

Bản án số: 03/2022/DS-PT.

Ngày: 06/01/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết, ông Nguyễn Văn Ngữ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 06/1/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2021/TLPT- DS ngày 29/10/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 159/2021/QĐ-PT ngày 15/12/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 54 phố Sàn, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh B

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hương T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chính Thượng, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh B

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Phúc H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chính Thượng, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh B

- Anh Giáp Văn B, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 54 phố Sàn, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh B

Theo Kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T bày: Giữa chị với chị Nguyễn Thị Hương T là bạn bè chơi với nhau. Ngày 25/8/2020, chị có cho chị T vay số tiền là 950.000.000đ. Khi vay, các bên có viết giấy vay tiền. Để làm tin, chị T gửi cho chị giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 302m²; số sổ: CV936.236; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01915; quyền sở địa chính số 22, T 38; địa chỉ thửa đất: Thôn Phố Chợ, xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Trong giấy vay tiền hai bên không ghi thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận miệng thời hạn trả là một tuần, vay không có lãi suất. Mục đích chị T vay để đảo sổ nợ hộ bạn chị T. Đến hạn trả nợ, chị đi lại đòi nhiều lần. Ngày 08/9/2020 chị T chuyển qua tài khoản trả chị được 100.000.000đ. Trước khi cho chị T vay số tiền 950.000.000đ, chị có vay của chị T 216.000.000đ. Trừ đi số tiền 216.000.000 chị còn nợ chị T và số tiền 100.000.000đ chị T đã trả, chị T còn nợ chị 634.000.000đ.

Khi chị đến đòi nợ chị T, chồng chị T là anh Vũ Phúc H có biết, sau đó có ra nhà chị khát nợ và nói sẽ cùng chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của chị T đã vay. Tuy nhiên, do khoản nợ này chị cho chị T vay riêng, không liên quan đến anh Vũ Phúc H chồng chị T; đây cũng là khoản tiền riêng của chị cho chị T vay, không liên quan đến chồng chị là anh Giáp Văn B. Vì vậy, chị yêu cầu một mình chị Nguyễn Thị Hương T phải trả chị số tiền đã vay còn nợ là 634.000.000đ (Sáu trăm ba mươi tư triệu đồng).

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Hương T và anh Vũ Phúc H, nhưng chị T và anh H không đến trụ sở Tòa án làm việc.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã áp dụng các Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Buộc chị Nguyễn Thị Hương T phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 634.000.000đ (sáu trăm ba mươi tư triệu đồng).

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương T phải chịu 31.700.000đ (Ba mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 14.680.000đ (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên

lai thu số: AA/2017/0005048 ngày 20/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh B.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Hương T không trả số tiền trên, thì hàng tháng chị T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam có Kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS về phần án phí, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần án phí sơ thẩm mà chị T phải chịu từ 31.700.000 đồng xuống 29.360.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B giữ nguyên kháng nghị và phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh B và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh B áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam:

Tòa án nhân dân huyện Lục Nam chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, buộc chị Nguyễn Thị Hương T phải trả cho chị T số tiền 634.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết trên thì chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + (234.000.000 đồng x 4%) = 29.360.000 đồng. Tại phần quyết định

của Bản án phát hành số 33 ngày 23/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam buộc chị T phải chịu 31.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là nhiều hơn so với quy định của pháp luật 2.340.000 đồng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chị T. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Tại Biên bản nghị án và bản án gốc ngày 23/8/2021, Hội đồng xét xử đã thảo luận và quyết định về án phí của chị T là 29.360.000 đồng. Bản án phát hành giao cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam ngày 24/8/2021 thể hiện án phí là 31.700.000 đồng là sai sót khi in ấn, phát hành bản án. Ngày 25/8/2021, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2021/QĐ-SCBSBA, sửa lại số tiền án phí mà chị T phải chịu là 29.360.000 đồng, niêm yết tại trụ sở TAND huyện Lục Nam ngay trong ngày. Việc sửa chữa, bổ sung bản án của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam là đảm bảo theo quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng Tòa án không thông báo hoặc giao ngay Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam là thiếu sót, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, giữ nguyên Bản án số 33/2021/DS-ST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Buộc chị Nguyễn Thị Hương T phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 634.000.000đ (sáu trăm ba mươi tư triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hương T phải chịu 29.360.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 14.680.000đ (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0005048 ngày 20/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh B.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Hương T không trả số tiền trên, thì hàng tháng chị T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Lục Nam;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết Nguyễn Xuân Thọ

Phạm Thị Minh Hiền